



Ư.P. ngy
[Signature]

Me T. Ars
[Signature]

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 25428
	Giờ: Ngày 30 tháng 8 năm 2010

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO GIAI ĐOẠN QUÝ II/2010

KẾT THÚC TẠI NGÀY 30/06/2010

- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 30/06/2010
- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
- BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

NỘI DUNG

Trang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2010	03 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08 - 08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ hợp nhất	09 - 10
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 40

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.566.327.474.524	1.505.710.991.784
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	129.245.260.352	428.744.198.408
1. Tiền	111		125.933.345.652	18.744.198.408
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.311.914.700	410.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		184.057.684.163	158.041.413.962
1. Phải thu của khách hàng	131		24.149.460.059	11.026.061.238
2. Trả trước cho người bán	132		64.486.867.481	52.557.751.554
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.02	96.339.955.996	94.457.601.170
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	V.03	(918.599.373)	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.229.417.771.780	900.577.042.193
1. Hàng tồn kho	141	V.04	1.229.417.771.780	900.577.042.193
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.606.758.229	18.348.337.221
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05	919.267.311	1.069.158.143
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.818.733.905	4.473.132.310
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V.06	43.894.760	104.198
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	16.824.862.253	12.805.942.570

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		354.531.452.901	182.142.514.150
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	30.807.500.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.08	-	30.807.500.000
II. Tài sản cố định	220		155.776.852.289	58.482.138.085
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	60.550.712.521	31.575.646.276
- Nguyên giá	222		89.800.106.490	39.845.227.335
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(29.249.393.969)	(8.269.581.059)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.777.774.689	1.648.188.000
- Nguyên giá	228		2.381.715.377	1.660.188.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(603.940.688)	(12.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	93.448.365.079	25.258.303.809
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	1.600.000.000	1.600.000.000
- Nguyên giá	241		1.600.000.000	1.600.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		63.985.721.717	67.792.721.717
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	50.237.721.717	43.558.721.717
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	15.078.000.000	25.484.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.15	(1.330.000.000)	(1.250.000.000)
V. Lợi thế thương mại	260		60.965.998.561	16.975.315.000
VI. Tài sản dài hạn khác	270		72.202.880.334	6.484.839.348
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	70.116.678.896	4.425.920.222
2. Tài khoản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	1.920.082.968	1.904.554.256
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	166.118.470	154.364.870
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		1.920.858.927.425	1.687.853.505.934

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010 VND	1/1/2010 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.200.118.405.151	1.067.742.761.587
I. Nợ ngắn hạn	310		271.813.243.472	144.198.363.525
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	27.327.099.399	15.785.297.529
2. Phải trả cho người bán	312		24.638.742.325	44.233.798.920
3. Người mua trả tiền trước	313		68.095.208.145	39.662.945.312
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	35.293.934.030	12.637.877.414
5. Phải trả người lao động	315		1.322.480.587	844.169.333
6. Chi phí phải trả	316	V.21	33.731.885.252	14.670.489.861
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	77.315.162.475	9.155.404.087
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		4.088.731.259	7.208.381.069
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		928.305.161.679	923.544.398.062
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.23	39.897.616.000	39.307.616.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	867.034.312.367	868.479.507.200
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.25	21.373.233.312	15.757.274.862
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010 VND	1/1/2010 VND
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		691.436.932.405	607.005.269.946
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.26	691.436.932.405	607.005.269.946
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		154.000.000.000	154.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		221.737.435.120	201.376.625.200
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		113.987.200.000	150.000.000.000
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(6.891.019.437)	(26.833.865.517)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(135.303.102)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		63.477.728.497	63.477.728.497
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.995.183.501	8.995.183.501
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		136.130.404.724	56.124.901.367
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		29.303.589.869	13.105.474.401
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	510		1.920.858.927.425	1.687.853.505.934

Ghi chú :

Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TP.HCM, ngày 15 tháng 08 năm 2010

Người lập biểu

Nguyễn Minh Đức

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Anh Thư



Giám đốc

Đoàn Tường Triệu

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Quý 2 Năm 2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2010 VND	Năm 2009 VND	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.27	164.727.277.034	145.261.990.365	267.893.615.609	153.297.897.140
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.27	882.887.979	-	882.887.979	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	163.844.389.055	145.261.990.365	267.010.727.630	153.297.897.140
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	113.910.378.179	115.570.000.179	186.089.149.425	121.260.039.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49.934.010.876	29.691.990.186	80.921.578.205	32.037.858.140
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	80.771.737.978	2.066.769.411	81.463.226.746	11.498.940.604
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	9.736.910.155	(1.297.066.789)	10.055.398.155	(1.296.328.243)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.497.913.211	-	2.497.913.211	738.546
8. Chi phí bán hàng	24		1.658.108.787	1.736.517.099	2.581.785.889	1.839.883.150
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.632.430.862	4.029.677.230	6.661.874.007	4.413.581.906
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		114.678.299.050	27.289.632.057	143.085.746.900	38.579.661.931
11. Thu nhập khác	31	VI.31	864.867.578	1.082.951.325	1.375.471.578	1.772.757.100
12. Chi phí khác	32	VI.32	7.275.162.232	39.700.467	7.362.899.261	46.161.902
13. Lợi nhuận khác	40		(6.410.294.654)	1.043.250.858	(5.987.427.683)	1.726.595.198
14. Phần lời hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		108.268.004.396	28.332.882.915	137.098.319.217	40.306.257.129
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.33	25.482.494.856	626.146.055	27.486.106.837	2.585.940.294
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	51		408.060.887	6.131.977.366	5.600.429.739	6.131.977.366
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		82.377.448.653	21.574.759.494	104.011.782.640	31.588.339.469
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		1.373.939.229	672.092.905	2.038.373.715	697.748.869
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		81.003.509.424	20.902.666.589	101.973.408.926	30.890.590.600
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.34	5.407	1.380	6.806	2.039

TP. HCM, ngày 15 tháng 08 năm 2010

Người lập biểu



Nguyễn Minh Đức

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thị Anh Thu



Đoàn Tường Triệu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Theo phương pháp gián tiếp

Quý 2 Năm 2010

Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01		
1. Lợi nhuận trước thuế		137.098.319.217	40.306.257.129
2. Điều chỉnh cho các khoản		-	
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.822.256.352	779.910.938
- Các khoản dự phòng	03	80.000.000	(3.472.600.000)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(73.929.561.763)	(829.840.767)
- Chi phí lãi vay	06	2.497.913.211	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	71.568.927.017	36.783.727.300
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(1.532.681.414)	(10.138.941.431)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(328.840.729.587)	(11.981.808.544)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	30.611.793.347	(20.088.010.929)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(31.773.511.872)	(6.652.932.257)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2.283.543.461)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.687.861.650)	(7.582.644.879)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	600.000.000	23.380.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(3.976.652.000)	(6.580.111.360)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(271.314.259.620)	(2.860.722.100)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(64.325.016.383)	(14.996.906.475)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	363.636.364	-
3. Chi tiền cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(4.133.330.000)
4. Thu tiền hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	8.049.600.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(73.833.000.000)	(18.866.718.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	7.794.297.797
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	80.625.994.687	829.840.767
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	9 30	(57.168.385.332)	(21.323.215.911)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Theo phương pháp gián tiếp

Quý 2 Năm 2010

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	77.831.686.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(8.406.921.495)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	117.413.135.819	127.318.183.565
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(145.461.090.923)	(75.962.499.943)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.800.024.000)	(21.560.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>28.983.706.896</i>	<i>21.388.762.127</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>	<i>(299.498.938.056)</i>	<i>(2.795.175.884)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	<i>60</i>	<i>428.744.198.408</i>	<i>14.975.181.982</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 VII.35	129.245.260.352	12.180.006.098

TP. HCM, ngày 15 tháng 08 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Nguyễn Minh Đức

Nguyễn Thị Anh Thư



Giám đốc

Đoàn Tường Triệu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 Năm 2010

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là một đơn vị thành viên của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5, được thành lập theo Nghị quyết 1584/NQ-HĐQT ngày 26/05/2005 về việc góp vốn đầu tư để thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy và Quyết định số 3666/QĐ-HĐQT ngày 12/08/2005 về việc chuyển giao nguyên trạng nguồn vốn, tài sản, công nợ, thiết bị, cán bộ, công nhân lao động, các hợp đồng kinh tế và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đang thực hiện của Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5 tại Bình Thuận sang Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003556 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 4 tháng 7 năm 2005, và các lần sửa đổi:

- Đăng ký sửa đổi lần thứ 1, ngày 8 tháng 7 năm 2006.
- Đăng ký sửa đổi lần thứ 2, ngày 26 tháng 3 năm 2007.
- Đăng ký sửa đổi lần thứ 3, ngày 4 tháng 12 năm 2007.
- Đăng ký sửa đổi lần thứ 4, ngày 15 tháng 5 năm 2008.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 3 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 12 năm 2007, Vốn điều lệ của Công ty là : 154.000.000.000 đồng, tổng số Cổ phiếu là 15.400.000 đơn vị với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 01 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

Các đơn vị liên quan:

THÔNG TIN VỀ CÁC CHI NHÁNH

- Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy – Chi nhánh Bình Thuận.
Địa chỉ: Số 47 Trần Hưng Đạo, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.
- Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy – Chi nhánh Tây Nam.
Địa chỉ: Số B17-19 Trung tâm Thương Mại, Phường 3, Thị xã Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu.
- Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy – Chi nhánh Miền Trung.
Địa chỉ: Số 54, Đường 10, Phường 8, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.
- Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy – Chi nhánh Miền Bắc.
Địa chỉ: Tổ 5, Khu A9, Đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy – Ban Quản lý dự án Quảng Ngãi.
Địa chỉ: Thôn Trường Thọ Tây, Thị trấn Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi.

THÔNG TIN VỀ CÁC CÔNG TY CON

Tổng số các Công ty con: 6 công ty

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 6 công ty
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

Danh sách các công ty con được hợp nhất**- Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh**

- Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 4102003918, đăng ký lần đầu ngày 01/03/2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 13/03/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.
- Hoạt động chính: Xây dựng công nghiệp, dân dụng, cầu đường,...
- Vốn điều lệ: 41.200.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 95%.
- Vốn thực tế góp đến 31/12/2009: 39.140.000.000 đồng giá gốc khoản đầu tư và 16.975.315.000 đồng chi phí chuyển nhượng quyền sở hữu doanh nghiệp đã thanh toán.
- Vốn thực tế góp đến 30/06/2010: 39.140.000.000 đồng giá gốc khoản đầu tư và 18.475.315.000 đồng chi phí chuyển nhượng quyền sở hữu doanh nghiệp.
- Tỷ lệ góp vốn thực tế đến 31/12/2009: 95,00%.
- Tỷ lệ góp vốn thực tế đến 30/06/2010: 95,00%.

- Công ty Cổ phần Công nghiệp NBB

- Địa chỉ: Lô G, Đường số 10, KCN Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 3203001767, đăng ký lần đầu ngày 24/12/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 10/07/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp.
- Giấy chứng nhận đầu tư: Số 32221000105, chứng nhận lần đầu ngày 31/10/2008 do Trưởng ban Ban quản lý các khu Công nghiệp và Chế xuất Đà Nẵng cấp.
- Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh các loại lọc dùng cho ô tô,...
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: trực tiếp 67,33% gián tiếp 7,19% (thông qua Công ty Hùng Thanh).
- Vốn thực tế góp đến 31/12/2009: 16.945.000.000 đồng.
- Vốn thực tế góp đến 30/06/2010: 20.200.000.000 đồng.
- Tỷ lệ góp vốn thực tế đến 31/12/2009: 54,98%.
- Tỷ lệ góp vốn thực tế đến 30/06/2010: 67,33%.

- Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Highland

- Địa chỉ: Số 19 Phù Đổng, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 5900452142, đăng ký lần đầu ngày 11/03/2008, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 02/01/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.
- Hoạt động chính: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê; xây dựng công trình đường bộ, thủy lợi, dân dụng.
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 54,90%.
- Vốn thực tế góp đến 31/12/2009: 7.197.464.000 đồng
- Vốn thực tế góp đến 30/06/2010: 9.789.460.000 đồng.
- Tỷ lệ góp vốn thực tế đến 31/12/2009: 2,40%.
- Tỷ lệ góp vốn thực tế đến 30/06/2010: 3,26%.

- Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng Sản Quảng Ngãi

- Địa chỉ: Lô C 1-3, KCN Tịnh Phong, Xã Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 4300368176, đăng ký lần đầu ngày 24/12/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 14/07/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp.
- Hoạt động chính: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khai thác đất cao lanh,...

- Vốn điều lệ: 40.000.000.000 đồng.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 90%.
 - Vốn thực tế góp đến 31/12/2009: 7.990.000.000 đồng .
 - Vốn thực tế góp đến 30/06/2010: 32.000.000.000 đồng giá gốc khoản đầu tư và 53.610.000.000 đồng chi phí chuyển nhượng quyền sở hữu doanh nghiệp đã thanh toán.
 - Tỷ lệ góp vốn thực tế đến 31/12/2009: 19,98%.
 - Tỷ lệ góp vốn thực tế đến 30/06/2010: 80,00%.
- **Công ty TNHH An Nhật Tân** (đầu tư gián tiếp qua Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng Sản Quảng Ngãi)
- Địa chỉ: Lô C 1-3, KCN Tịnh Phong, Xã Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi.
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 4300319588, đăng ký lần đầu ngày 30/07/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 16/04/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp.
 - Hoạt động chính: Trồng rừng, chăn nuôi bò sữa, khai thác gỗ rừng trồng, chế biến và vận chuyển gỗ, khai thác, chế biến, vận chuyển khoáng sản (gồm đá xuất khẩu và tiêu dùng nội địa), xây dựng công trình dân dụng, giao thông (cầu, đường, cống), đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp,...
 - Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.
 - Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của Công ty mẹ: 89,1%.
 - Vốn thực tế góp đến 30/06/2010: 9.900.000.000 đồng giá gốc khoản đầu tư và 1.000.000.000 đồng chi phí chuyển nhượng quyền sở hữu doanh nghiệp đã thanh toán.
 - Tỷ lệ góp vốn thực tế đến 30/06/2010: 99,00%.
- **Công ty TNHH Hương Trà** (đầu tư gián tiếp qua Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng Sản Quảng Ngãi)
- Địa chỉ: Lô C 1-3, KCN Tịnh Phong, Xã Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi.
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 4300340364, đăng ký lần đầu ngày 21/06/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 16/04/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp.
 - Hoạt động chính: Khai thác và chế biến khoáng sản, san lấp mặt bằng, Đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật, Sản xuất kinh doanh bao bì các loại.
 - Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng.
 - Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của Công ty mẹ: 89,1%.
 - Vốn thực tế góp đến 30/06/2010: 19.800.000.000 đồng giá gốc khoản đầu tư và 500.000.000 đồng chi phí chuyển nhượng quyền sở hữu doanh nghiệp đã thanh toán.
 - Tỷ lệ góp vốn thực tế đến 30/06/2010: 99,00%.

THÔNG TIN VỀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

Tổng số các Công ty liên kết: 4 công ty

- Số lượng các Công ty liên kết được hợp nhất: 1 công ty
- Số lượng các Công ty liên kết không được hợp nhất: 3 công ty

Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Xây dựng Ninh Thuận

- Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
- Vốn điều lệ: 165.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: trực tiếp 31,00% gián tiếp 4,75% (thông qua Công ty Hùng Thanh).
- Tỷ lệ nắm quyền biểu quyết: trực tiếp 31,00% gián tiếp 5% (thông qua Công ty Hùng Thanh).

Danh sách các công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

- **Công ty TNHH BOT Rạch Miễu**

- Địa chỉ: Ấp 6A, Xã An Khánh, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.
- Vốn điều lệ: 133.470.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 25,00%.
- Tỷ lệ nắm quyền biểu quyết: 25,00%.

- **Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú**

- Địa chỉ: Lô 148B đường Tôn Đức Thắng, phường An Sơn, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam.
- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 49,00%.
- Tỷ lệ nắm quyền biểu quyết: 49,00%.

- **Công ty TNHH BOT Saigon Highland**

- Địa chỉ: Lô 39 - 40 - 41 Khu IVB2 Đê Bao, phường Trần Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 20,31% (đầu tư trực tiếp 0%, đầu tư gián tiếp qua Công ty Cổ phần Đầu tư Saigon Highland với tỷ lệ 54,9% x 37%).
- Tỷ lệ nắm quyền biểu quyết: 37%.

L Ý DO:

- Công ty TNHH BOT Rạch Miễu vẫn chưa có Báo cáo tài chính cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Công ty TNHH BOT Saigon Highland vẫn chưa có Báo cáo tài chính cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú đang trong giai đoạn mới hoạt động vẫn chưa có doanh thu, lợi nhuận cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Môi giới bất động sản. Kinh doanh nhà (phải đáp ứng khoản 1, Điều 10 Luật Kinh Doanh Bất Động Sản. Xây dựng công trình đường giao thông, cầu phà, đường thủy, đường bộ, đường sắt, công trình thủy điện, nhiệt điện. San lấp mặt bằng, xây dựng công trình, hạng mục công trình dân dụng, kỹ thuật, kết cấu công trình.
- Lắp đặt trang thiết bị cho công trình xây dựng: điện, nước, điều hòa không khí (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở).
- Trang trí nội, ngoại thất công trình.
- Sản xuất điện.
- Sản xuất sản phẩm bằng gốm, sứ, vật liệu chịu lửa. Sản xuất gạch ngói, gốm, sứ xây dựng không chịu lửa.
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, vữa, sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, thùng, bể chứa. Cát, tạo dáng và hoàn thiện đá.
- Kinh doanh lưu trú du lịch: khách sạn, nhà nghỉ, kinh doanh nhà hàng ăn uống (không hoạt động tại trụ sở và việc cung cấp dịch vụ cần phải tiến hành song song với đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo hoặc mua lại khách sạn).

- Du lịch lữ hành nội địa, quốc tế.
- Đào tạo tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông.
- Đào tạo dạy nghề. Tư vấn về quản lý kinh doanh. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán).
- Xây dựng công trình ngầm dưới đất, dưới nước.
- Trồng rừng, chăn nuôi, trồng trọt theo mô hình trang trại (không chăn nuôi tại trụ sở).
- Truyền tải điện, phân phối và kinh doanh điện.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, cao lanh.
- Kinh doanh khu du lịch sinh thái (không hoạt động tại trụ sở).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày

lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Đối với khoản lợi thế thương mại từ Công ty Hùng Thanh: Lợi nhuận thu được từ 02 dự án Carina và City Gate Towers là rất lớn. Vì vậy đơn vị sẽ phân bổ tối đa trong 04 năm tương ứng với gian đoạn thu lợi nhuận từ 02 dự án này. Mức phân bổ tương ứng 3% lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty Hùng Thanh.

Đối với khoản lợi thế thương mại từ Công ty Khoáng Sản Quảng Ngãi: Vì Công ty này chủ yếu kinh doanh khai thác từ các mỏ đá, Quặng, mỏ đất, Titan, mấy năm đầu tiên là giai đoạn pháp lý triển khai dự án nên Đơn vị không phân bổ lợi thế thương mại. Đơn vị sẽ phân bổ từ năm thứ 02. Mức phân bổ theo đường thẳng, thời gian phân bổ là 9 năm.

Hàng năm vào ngày cuối năm, sau khi Đơn vị và các công ty con quyết toán chính thức lợi nhuận cả năm, Đơn vị sẽ phân bổ lợi thế thương mại 02 khoản trên.

Bất lợi kinh doanh

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với mức giá mua công ty. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng trả do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị của hàng tồn kho xuất dùng được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, hoặc theo phương pháp khấu hao theo sản lượng phù hợp với với Quyết định 203/2003/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 do Bộ Tài chính ban hành.

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc và thiết bị	04 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 14
Phương tiện vận tải	06 - 07

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện:

Giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn được trình bày theo nguyên giá.
TSCĐ vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Hiện tại, bất động sản đầu tư của Công ty chỉ là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài của thửa đất số MPT (19,57), diện tích 160,0m² tại địa chỉ 38/1 Nguyễn Sơn, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh theo tờ bản đồ số 95, 97 (BĐC) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00086 do UBND quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/01/2007. Công ty dự kiến cho thuê hoặc bán trong tương lai.

Các khoản đầu tư tài chính và chứng khoán***Công ty con***

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc được qui định trong Chuẩn mực Kế toán số 25 - Báo cáo tài chính và các khoản đầu tư vào công ty con. Dự phòng giảm giá trị đầu tư được lập theo ý kiến của Ban Giám đốc khi các khoản giảm giá trị này không phải là tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập với điều kiện giá trị ghi sổ sau hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nếu như dự phòng chưa được ghi nhận.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính.

Góp vốn liên doanh

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào các liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biếu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này. Ngoài ra, các khoản nhận góp vốn liên doanh cũng được ghi nhận vào khoản mục này.

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Hội đồng Quản trị thông qua Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng, phát hành trái phiếu để đầu tư và góp vốn vào các dự án Công ty tham gia được ghi nhận là vào khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh của các dự án có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí cho vay và đi vay vốn.
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢYSố 01 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn Quý 2 Năm 2010 kết thúc tại ngày 30/06/2010

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	9.906.949.305	7.706.058.868
- Tiền gửi ngân hàng	116.026.396.347	11.038.139.540
- Tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng	3.311.914.700	410.000.000.000
Cộng	<u>129.245.260.352</u>	<u>428.744.198.408</u>

2. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ông Ngô Mạnh Hân (a)	31.000.000.000	31.000.000.000
- Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5	15.100.000.000	15.050.000.000
- Khoản chi phí phát hành chờ phân bổ vào dự án	-	18.079.166.667
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Khoáng Sản Quảng Ngãi	-	6.602.000.000
- UBND Tỉnh Bạc Liêu		
+ Khoản chi hộ tiền đền bù lộ giới Cao Văn Lầu	1.982.371.282	1.982.371.282
- Tiền góp vốn (b)		
+ Ông Đỗ Xuân Diễn	800.000.000	800.000.000
+ Ông Nguyễn Hồng Sơn	600.000.000	600.000.000
+ Ông Trần Văn Khiêm	200.000.000	200.000.000
+ Ông Phạm Thanh Hùng	200.000.000	200.000.000
- Công ty Cổ Phần Công Trình Giao Thông 503	500.000.000	500.000.000
- Tạm ứng tiền đền bù dự án NBB II	13.092.400.000	
- Tạm ứng tiền đền bù dự án Bình chánh	10.000.000.000	
- Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Cty CP ĐT Saigon Highland (c)	10.990.000.000	6.800.000.000
- Bảo hiểm xã hội	3.379.191	
- Nhân viên Công ty TNHH An Nhật Tân	2.886.227	
- Phải thu khác	1.868.919.296	2.644.063.221
Cộng	<u>96.339.955.996</u>	<u>94.457.601.170</u>

(a) Khoản phải thu về chi phí thực hiện dự án, đã có biên bản xác nhận nghĩa vụ thanh toán nợ của ông Ngô Mạnh Hân tại thời điểm 31/12/2009.

(b) Phải thu tiền quyền góp vốn vào Công ty Cổ phần Công Nghiệp NBB.

(c) Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Cty CP ĐT Saigon Highland ứng kinh phí để thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng dự án.

3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

- Số dư đầu kỳ	-
- Trích lập trong kỳ	-
- Tăng do hợp nhất	918.599.373
- Hoàn nhập trong kỳ	-
- Số dư cuối kỳ	<u>918.599.373</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢYSố 01 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn Quý 2 Năm 2010 kết thúc tại ngày 30/06/2010

4. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	1.708.313.887	1.688.994.718
- Công cụ, dụng cụ	835.720.048	50.863.719
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang sản xuất thành phẩm	13.969.417.979	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các dự án đang đầu tư	1.195.435.499.827	898.837.183.756
+ Dự án Phan Thiết (chi phí xây lắp, tiền sử dụng đất, lãi vay vốn hóa)	25.462.062.052	46.413.273.532
+ Dự án Bạc Liêu (chi phí đền bù, xây dựng cơ sở hạ tầng dự án)	111.079.985.846	121.153.731.855
+ Dự án Đồi Thủy Sản, Đồn Điền - Quảng Ninh	5.001.832.971	3.463.625.442
+ Dự án Khu Dân Cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	21.598.641.689	4.622.009.755
+ Dự án căn hộ Hùng Vương I, Phan Thiết	39.128.250.000	39.128.250.000
+ Dự án Khu du lịch Ocean Golf - Lagi	2.308.653.196	-
+ Dự án Tuyến Tránh Phan Rang - Tháp Chàm	5.401.527.727	3.433.275.386
+ Chi đền bù dự án khu căn hộ cao tầng NBB1 (Diamond Reverside)	161.412.794.658	165.203.902.676
+ Chi đền bù dự án khu căn hộ cao tầng NBB2	350.934.977.569	63.134.760.933
+ Chi đền bù dự án khu căn hộ cao tầng NBB3	264.729.811.105	251.600.745.601
+ Chi đền bù dự án khu phức hợp huyện Bình Chánh	21.307.003.668	20.000.000.000
+ Dự án khu đô thị sinh thái Đồn Điền, Hạ long	-	502.332.727
+ Dự án Khu căn hộ cao tầng Carina Palza	60.497.824.962	60.992.359.501
+ Dự án Khu căn hộ cao tầng City Gate Towers	117.516.132.737	112.006.974.709
+ Dự án Khối văn phòng NBB	1.533.503.576	1.533.503.576
+ Dự án Khu đô thị mới Nguyễn Văn Linh	7.522.498.071	5.648.438.063
- Thành phẩm	17.468.820.039	
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>1.229.417.771.780</u>	<u>900.577.042.193</u>

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>
- Công cụ, dụng cụ, chi phí chờ phân bổ	619.839.896
- Tiền thuê nhà chờ kết chuyển	26.000.000
- Chi phí sửa chữa, di dời, thuê văn phòng chờ kết chuyển	158.319.414
- Chi phí chờ kết chuyển	115.108.001
Cộng	<u>919.267.311</u>

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn như sau:

- Số dư đầu kỳ	1.069.158.143
- Tăng trong kỳ	8.689.315.434
- Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	8.839.206.266
- Số dư cuối kỳ	<u>919.267.311</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢYSố 01 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn Quý 2 Năm 2010 kết thúc tại ngày 30/06/2010

6. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Thuế thu nhập cá nhân	43.627.159	104.198
- Thuế tài nguyên	265.300	-
- Các loại thuế khác	2.301	-
Cộng	43.894.760	104.198

Số liệu về khoản mục Thuế và các khoản phải thu Nhà nước này sẽ còn được Cơ quan Thuế kiểm tra đánh giá lại theo quy định. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, nên số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

7. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Tạm ứng của các đội thi công xây lắp, khác	11.329.470.758	10.405.942.570
- Ký quỹ Sở TN&MT Tỉnh Phú Yên - Dự án Nhà máy Thủy Điện Đá Đen	2.403.000.000	2.400.000.000
- Tạm ứng khác	3.092.391.495	-
Cộng	16.824.862.253	12.805.942.570

8. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Chi phí chuyển nhượng dự án City Gate Towers	-	30.802.500.000
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	5.000.000
Cộng	-	30.807.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢYSố 01 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn Quý 2 Năm 2010 kết thúc tại ngày 30/06/2010

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Tại ngày 01/01/2010	20.177.492.823	10.015.570.156	8.283.112.815	1.369.051.541	-	39.845.227.335
- Mua trong kỳ		92.500.000	2.617.274.459	199.936.220		2.909.710.679
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tăng do hợp nhất	8.621.376.320	33.723.583.446	13.943.803.006	58.997.749	153.426.364	56.501.186.885
- Tăng khác						
- Thanh lý, nhượng bán	(8.985.292.695)		(453.525.714)	(17.200.000)		(9.456.018.409)
- Giảm khác						
Tại ngày 30/06/2010	19.813.576.448	43.831.653.602	24.390.664.566	1.610.785.510	153.426.364	89.800.106.490
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2010	2.305.862.043	3.073.427.978	1.818.168.806	1.072.122.232	-	8.269.581.059
- Khấu hao trong kỳ	902.437.135	3.246.974.141	1.427.524.658	180.689.221	6.297.866	5.763.923.021
- Tăng do hợp nhất	3.987.625.650	10.229.560.973	3.320.115.351	7.670.337	66.866.699	17.611.839.010
- Tăng khác						
- Thanh lý, nhượng bán	(1.925.223.407)		(453.525.714)	(17.200.000)		(2.395.949.121)
- Giảm khác						
Tại ngày 30/06/2010	5.270.701.421	16.549.963.092	6.112.283.101	1.243.281.790	73.164.565	29.249.393.969
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
Tại ngày 01/01/2010	17.871.630.780	6.942.142.178	6.464.944.009	296.929.309	-	31.575.646.276
Tại ngày 30/06/2010	14.542.875.027	27.281.690.510	18.278.381.465	367.503.720	80.261.799	60.550.712.521

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

Số 01 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn Quý 2 Năm 2010 kết thúc tại ngày 30/06/2010

9. Tài sản cố định vô hình

Chi tiêu	Phần mềm	Giấy phép nhượng quyền	Quyền sử dụng đất	TSCĐVH khác	Tổng cộng
I- Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Tại ngày 01/01/2010	12.000.000	-	1.648.188.000	-	1.660.188.000
- Mua trong kỳ					
- Tăng do hợp nhất	15.750.234	42.857.143	62.920.000	600.000.000	721.527.377
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					
Tại ngày 30/06/2010	27.750.234	42.857.143	1.711.108.000	600.000.000	2.381.715.377
II- Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2010	12.000.000	-	-	-	12.000.000
- Khấu hao trong kỳ				58.333.331	58.333.331
- Tăng do hợp nhất	15.750.234	42.857.143		474.999.980	533.607.357
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Tại ngày 30/06/2010	27.750.234	42.857.143	-	533.333.311	603.940.688
III- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
Tại ngày 01/01/2010	-	-	1.648.188.000	-	1.648.188.000
Tại ngày 30/06/2010	-	-	1.711.108.000	66.666.689	1.777.774.689

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Xây dựng khu khai thác mỏ đá Tàzôn	1.498.730.411	1.497.230.411
- Xây dựng khu du lịch Ocean golf - Lagi	-	1.142.024.287
- Xây dựng nhà máy thủy điện Đá Đen	25.380.164.450	22.540.641.323
- Đầu tư dây chuyền sản xuất và nhà xưởng của Công ty CP CN NBB	58.093.196.877	78.407.788
- Xây dựng khu khai thác mỏ đá núi mang	128.349.400	-
- Nhà máy nghiền đá thợ bắc	3.024.241.532	-
- Lô C1-4 khu công nghiệp Tịnh Phong	3.809.510.304	-
- Đường tránh lũ, mỏ đất Tịnh Ấn Đông	978.872.478	-
- Mỏ đá Tịnh hiệp	54.000.000	-
- Xây dựng khu khai thác mỏ TiTan Mộ Đức	355.136.918	-
- Xây dựng nhà xưởng Công ty Hương Trà	126.162.709	-
Cộng	93.448.365.079	25.258.303.809

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

- Số dư đầu kỳ	25.258.303.809
- Tăng trong kỳ	61.415.305.704
- Tăng do hợp nhất	9.398.211.388
- Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	2.623.455.822
- Số dư cuối kỳ	93.448.365.079

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢYSố 01 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn Quý 2 Năm 2010 kết thúc tại ngày 30/06/2010

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối quý
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư	1.600.000.000	-	-	1.600.000.000
- Quyền sử dụng đất	1.600.000.000			1.600.000.000
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
II. Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
III. Giá trị còn lại của BĐS đầu tư	1.600.000.000	-	-	1.600.000.000
- Quyền sử dụng đất	1.600.000.000			1.600.000.000
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Công ty TNHH BOT Rạch Miễu	29.397.980.747	29.397.980.747
- Công ty TNHH ĐT & XD Tam Phú (*)	2.940.000.000	1.715.000.000
- Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Xây Dựng Ninh Thuận (*) (Trong đó: Cty NBB đầu tư 31%, Cty Hùng Thanh đầu tư 5%)	17.159.740.970	11.705.740.970
- Công ty Cổ Phần BOT Saigon Highland	740.000.000	740.000.000
Cộng	50.237.721.717	43.558.721.717

Chi tiết Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Xây Dựng Ninh Thuận

- Giá gốc khoản đầu tư	16.827.751.836
- Phần lời / (lỗ) trong Công ty liên kết	331.989.134
- Số dư cuối kỳ	17.159.740.970

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 30/06/2010 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
- Công ty TNHH BOT Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	133.470.000.000	25,00%	25,00%
- Công ty TNHH ĐT & XD Tam Phú	T. Quảng Nam	20.000.000.000	49,00%	49,00%
- Công ty CP ĐT & PT Xây Dựng NT	TP. HCM	165.000.000.000	35,75%	36,00%
- Công ty CP BOT Saigon Highland	T. Quảng Ngãi	100.000.000.000	20,31%	20,31%

(*) Trong kỳ Công ty tiếp tục góp vốn vào Công ty TNHH ĐT & XD Tam Phú và Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Xây Dựng Ninh Thuận theo tiến độ góp vốn đã đăng ký.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢYSố 01 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn Quý 2 Năm 2010 kết thúc tại ngày 30/06/2010

14. Đầu tư dài hạn khác

- Đầu tư cổ phiếu (*)

	Số cuối quý	Số đầu năm
	15.078.000.000	25.484.000.000

(*) Chi tiết loại cổ phiếu

Công ty	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	Số tiền	Số cổ phiếu	Số tiền
- Công ty CP Chứng Khoán Việt Thành	175.000	1.750.000.000	175.000	1.750.000.000
- Công ty CP ĐT Khoáng Sản QN (*)	-	-	799.000	10.456.000.000
- Công ty CP Cơ Khí Điện Lữ Gia	100.000	4.500.000.000	100.000	4.500.000.000
- Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng 533	500.000	5.680.000.000	500.000	5.680.000.000
- Công ty CP DV Nhịp Cầu Địa Ốc	238.800	2.388.000.000	238.800	2.388.000.000
- Công ty Thủy Điện Boko	25.000	250.000.000	20.000	200.000.000
- Công ty CP XD Saigon Highland	51.000	510.000.000	51.000	510.000.000
Cộng		15.078.000.000		25.484.000.000

(*) Trong kỳ Công ty đã hoàn tất việc mua lại Công ty CP Đầu Tư Khoáng sản Quảng Ngãi và chuyển Công ty CP Đầu Tư Khoáng sản Quảng Ngãi thành công ty con.

15. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

- Số dư đầu kỳ	1.250.000.000
- Trích lập trong kỳ	80.000.000
- Hoàn nhập trong kỳ	-
- Số dư cuối kỳ (*)	1.330.000.000

(*) Đây là khoản dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty CP Cơ Khí Điện Lữ Gia.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢYSố 01 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn Quý 2 Năm 2010 kết thúc tại ngày 30/06/2010

16. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khoản CP phát hành trái phiếu DA City Gate Towers chờ phân bổ (a)	3.800.000.000	
- Trích trước CP lãi trái phiếu DA City Gate Towers chờ phân bổ (b)	9.753.016.553	
- Chi phí chuyển nhượng dự án City Gate Towers (c)	30.802.500.000	
- Chi phí dự án Bạc Liêu chờ phân bổ	7.118.114.929	-
- Chi phí tìm kiếm dự án của DA BOT Cầu Rạch Miễu	500.000.000	500.000.000
- Chi phí dự án Nguyễn Văn Linh chờ phân bổ	47.773.180	74.794.554
- Chi phí nhà mẫu DA City Gate Towers chờ phân bổ	5.747.581.733	659.380.474
- Chi phí nhà mẫu của DA Carina Plaza chờ phân bổ	2.628.028.372	3.191.745.194
- Chi phí mua quyền chờ phân bổ của KSQN	8.602.000.000	
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.117.664.129	-
Cộng	<u>70.116.678.896</u>	<u>4.425.920.222</u>

Tình hình biến động các khoản chi phí trả trước dài hạn như sau:

- Số dư đầu kỳ	4.425.920.222
- Số tăng trong kỳ	12.835.886.188
- Số tăng do phân loại lại	44.355.516.553
- Số tăng do hợp nhất	9.522.300.492
- Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	1.022.944.559
- Số dư cuối kỳ	<u>70.116.678.896</u>

(a) Đây là khoản chi phí phát hành trái phiếu phục vụ cho các dự án sẽ được phân bổ vào chi phí khi dự án bắt đầu có doanh thu.

(b) Đây là khoản trích trước lãi trái phiếu sẽ được phân bổ vào chi phí khi dự án bắt đầu có doanh thu.

(c) Khoản chi phí chuyển nhượng 30% vốn góp vào dự án City Gate Towers theo Hợp đồng chuyển nhượng số 77/HD-CII ngày 04/08/2009 giữa Công ty Cổ phần Đầu Tư Năm Bảy Bảy và Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh. Khoản chi phí này sẽ được phân bổ vào chi phí khi dự án bắt đầu có doanh thu.

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	<u>Từ 01/01/2010 Đến 30/06/2010</u>	<u>Từ 01/01/2009 Đến 30/06/2009</u>
Tình hình biến động tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả như sau:		
- Số dư đầu kỳ	1.904.554.256	2.528.298.740
- Trích lập trong kỳ	15.528.712	-
- Hoàn nhập trong kỳ	-	-
- Số dư cuối kỳ	<u>1.920.082.968</u>	<u>2.528.298.740</u>

Một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo chế độ kế toán của Công ty cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

18. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	166.118.470	154.364.870
Cộng	<u>166.118.470</u>	<u>154.364.870</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẦY BẦYSố 01 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn Quý 2 Năm 2010 kết thúc tại ngày 30/06/2010

19. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay ngắn hạn	23.135.297.529	15.785.297.529
+ Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN Sài Gòn (a)	15.785.297.529	15.785.297.529
+ Ngân Hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	400.000.000	-
+ Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1.200.000.000	-
+ Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	5.750.000.000	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả	4.191.801.870	-
+ Ngân Hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	1.412.000.000	-
+ Ngân Hàng TMCP Việt Á	2.779.801.870	-
Cộng	<u>27.327.099.399</u>	<u>15.785.297.529</u>

Tình hình biến động của các khoản vay như sau:

	Số dư đầu kỳ	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ
- NH Quốc Tế Việt Nam	15.785.297.529	66.594.340.000	66.594.340.000	15.785.297.529
- NH Xuất nhập khẩu Việt Nam (b)	400.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000
- NH Sài Gòn Thương Tín (b)	1.433.000.000	1.500.000.000	1.733.000.000	1.200.000.000
- NH Việt Nam Thương Tín (b)	6.583.560.391	5.750.000.000	6.583.560.391	5.750.000.000

(b) Phát sinh số dư đầu kỳ do hợp nhất.

Thông tin về các khoản vay ngắn hạn

(a) Khoản vay tại Ngân Hàng TMCP Quốc Tế VN theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 0306/HĐTD-VIB625/09 ngày 19/09/2009, hạn mức cho vay 100.000.000.000 VND, thời hạn vay tối đa là 12 tháng đối với mỗi khế ước nhận nợ, lãi suất vay áp dụng lãi suất tại thời điểm giải ngân điều chỉnh tối đa 3 tháng/lần bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh kỳ hạn ứng với kỳ hạn điều chỉnh lãi suất tối đa 03 tháng VND + biên độ lãi suất và chịu sự điều chỉnh theo chính sách của VIB tại từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.

- Biện pháp bảo đảm khoản vay:

+ Quyền sử dụng đất tại Phường Phú Thủy, Tp. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, giá trị định giá 35.215.000.000 VND. Tỷ lệ cho vay/giá trị TSĐB là 70%.

+ Quyền sử dụng đất tại Khóm 4, Phường 2, Thị xã Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, giá trị định giá 35.680.000.000 VND. Tỷ lệ cho vay/giá trị TSĐB là 70%.

+ 199 Quyền sử dụng đất tại Khóm 3 và 06 Quyền sử dụng đất tại Khóm 4, Phường 2, Thị xã Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, giá trị định giá 23.086.000.000 VND. Tỷ lệ cho vay/giá trị TSĐB là 70%.

+ Bên vay cam kết chuyển doanh thu các dự án về tài khoản của bên vay tại VIB.

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng	427.861.832	26.260.359
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.542.892.384	12.592.727.594
- Thuế thu nhập cá nhân	13.498.774	19.154.761
- Thuế tài nguyên	112.985.040	(265.300)
- Các loại thuế khác	196.696.000	-
Cộng	<u>35.293.934.030</u>	<u>12.637.877.414</u>

Số liệu về khoản mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước này sẽ còn được Cơ quan Thuế kiểm tra đánh giá lại theo quy định. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, nên số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢYSố 01 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn Quý 2 Năm 2010 kết thúc tại ngày 30/06/2010

21. Chi phí phải trả

- Trích trước chi phí lãi trái phiếu
- Trích trước chi phí môi giới
- Trích trước chi phí lãi vay

Cộng

<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
31.529.166.667	14.670.489.861
1.988.348.835	-
214.369.750	-
33.731.885.252	14.670.489.861

22. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

- Bảo hiểm xã hội
- Bảo hiểm y tế
- Kinh phí công đoàn
- Phải trả cho các đội thi công
- Phải trả tiền góp vốn cho CII
- Phải trả ông Nguyễn Việt Nam Anh
- Bảo hiểm thất nghiệp
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn
- Phải trả bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt
- Phải trả, phải nộp khác

Cộng

<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
83.803.643	13.572.000
28.040.929	1.342.080
139.452.919	78.187.229
1.567.339.901	4.674.538.142
67.006.400.000	-
2.211.858.558	3.354.473.558
9.555.548	-
8.010.130	-
1.345.000.000	-
4.915.700.847	1.033.291.078
77.315.162.475	9.155.404.087

23. Phải trả dài hạn khác

- Công ty CP ĐT KT Hạ Tầng TP.HCM (*)
- Nhận đặt cọc mua đất khách hàng
- Công ty CP XDCTGT 507 - CN Quảng Ninh
- Đội 702 và Đội 705
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn

Cộng

<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
30.000.000.000	30.000.000.000
4.165.166.000	4.175.166.000
1.000.000.000	1.000.000.000
4.132.450.000	4.132.450.000
600.000.000	-
39.897.616.000	39.307.616.000

(*) Khoản hỗ trợ vốn trong thời gian 02 năm để đầu tư dự án theo hợp đồng số 82/2009/HĐKT-CII ngày 11/8/2009 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ Thuật TP.HCM và Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢYSố 01 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn Quý 2 Năm 2010 kết thúc tại ngày 30/06/2010

24. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Vay dài hạn	167.034.312.367	168.479.507.200
+ Ngân Hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - CN Bắc Sài Gòn (a)	95.512.507.200	95.512.507.200
+ Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN Sài Gòn	-	66.667.000.000
+ Ngân Hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - CN Bình Định (b)	16.368.795.819	6.300.000.000
+ Ngân Hàng NN & PT Nông Thôn - CN Đà Nẵng (c)	33.100.000.000	-
+ Ngân Hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	6.354.000.000	-
+ Ngân Hàng TMCP Việt Á	15.699.009.348	-
- Nợ dài hạn	700.000.000.000	700.000.000.000
+ Phát hành trái phiếu	700.000.000.000	700.000.000.000
Cộng	867.034.312.367	868.479.507.200

Tình hình biến động của các khoản vay như sau:

	Số dư đầu kỳ	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ
- NH Quốc Tế Việt Nam	66.667.000.000	-	66.667.000.000	-
- NH ĐT&PT Việt Nam - SG	95.512.507.200	-	-	95.512.507.200
- NH ĐT&PT Việt Nam - BD	-	16.368.795.819	-	16.368.795.819
- NH NN&PTNT - ĐN	6.300.000.000	26.800.000.000	-	33.100.000.000
- NH Xuất nhập khẩu Việt Nam (d)	7.826.001.750	-	-	7.826.001.750
- NH TMCP Việt Á (d)	13.152.000.000	-	918.000.000	12.234.000.000

(d) Phát sinh số dư đầu kỳ do hợp nhất, 1 số khoản nợ dài hạn đến hạn trả đã được phân loại sang nợ dài hạn đến hạn trả, xem thuyết minh V20.

Thông tin về các khoản vay dài hạn

(a) Khoản vay tại Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Bắc Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 00313/2009/0000360 ngày 15/04/2009, hạn mức cho vay tối đa 150.000.000.000 VND nhưng không vượt quá 49% tổng chi phí đền bù giải tỏa và xây dựng hạ tầng kỹ thuật, thời hạn vay kể từ ngày nhận món nợ đầu tiên là 05 năm, thời gian trả nợ 36 tháng, thời gian ân hạn 24 tháng, lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất TGTK cá nhân kỳ hạn 12 tháng (trả lãi sau) + 3,5%/năm nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do nhà nước công bố tại thời điểm giải ngân.

- Mục đích vay: Tiền vay được sử dụng để đầu tư cho dự án Khu căn hộ cao tầng NBB Garden III hạng mục " chi phí đền bù giải tỏa và xây dựng hạ tầng kỹ thuật".

- Hình thức đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay là giá trị quyền sử dụng đất tại Phường 16, Quận 8, Tp. HCM với diện tích 56.070 m² theo các tờ số 116; 117; 126; 127; 128; 134 bản đồ địa chính Phường 16, Quận 8, Tp. HCM và bảo lãnh của bên thứ 3 là quyền sử dụng đất của Công ty TNHH XD-TM-DV- SX Hùng Thanh tại thửa đất số 59; 83 tờ bản đồ số 36; 37; 38 tại Phường 16, Quận 8, Tp. HCM.

(b) Khoản vay tại Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Bình Định theo hợp đồng tín dụng số 01/2009/HĐTĐ/BIDV-NBB ngày 18/08/2009, hạn mức cho vay tối đa không vượt quá 200.000.000.000 VND, thời hạn vay 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau do BIDV công bố cộng với biên độ là ba phần năm phần trăm một năm (3,5%/năm).

- Mục đích vay: Sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi.

- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay - giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được hình thành từ nguồn vốn tự có của bên vay và nguồn vốn huy động ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢYSố 01 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn Quý 2 Năm 2010 kết thúc tại ngày 30/06/2010

(c) Khoản vay tại NH NN & PT Nông Thôn Việt Nam - CN Đà Nẵng theo hợp đồng tín dụng số 01.2009DHNBB.5305 ngày 09/07/2009, hạn mức cho vay tối đa 34.000.000.000 VND, thời hạn vay 09 năm trong đó thời gian ân hạn 12 tháng, lãi suất cho vay bằng lãi suất TGTK cá nhân kỳ hạn 12 tháng (trả lãi sau) + 3,6%/năm nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do nhà nước công bố tại trong từng thời kỳ.

- Mục đích vay: Nhập khẩu máy móc thiết bị đầu tư dự án nhà máy sản xuất các loại lọc ô tô.
- Hình thức đảm bảo: áp dụng biện pháp cho vay có bảo đảm bằng tài sản.

Thông tin về trái phiếu phát hành*** Trái phiếu phát hành đợt 1**

- Loại chứng khoán: Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, có bảo đảm.
- Mệnh giá: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).
- Số lượng: 300 trái phiếu.
- Hình thức trái phiếu: Trái phiếu ghi sổ.
- Thời hạn trái phiếu: 03 năm.
- Thanh toán lãi trái phiếu: Lãi trái phiếu được trả hàng năm vào ngày thanh toán.
- Thanh toán gốc trái phiếu: Gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đáo hạn.
- Mục đích: Tài trợ vốn cho dự án City Gate Towers.

- Lãi suất: 11,5%/năm. Lãi suất các năm tiếp theo được tính bằng lãi suất bình quân của các lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả sau (trong trường hợp ngân hàng không công bố lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả sau thì sử dụng lãi suất loại hình huy động tiền gửi khác có kỳ hạn tương đương) công bố tại Sở giao dịch của bốn ngân hàng thương mại tại Hà Nội bao gồm: Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam (Sở giao dịch 1), Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (Sở giao dịch 1) vào ngày xác định lãi suất hàng năm, cộng với lãi biên 3,5%/năm được xác định tại ngày tính lãi áp dụng cho năm tiếp theo.

*** Trái phiếu phát hành đợt 2**

- Loại chứng khoán: Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, có bảo đảm.
- Mệnh giá: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).
- Số lượng: 400 trái phiếu.
- Hình thức trái phiếu: Trái phiếu ghi sổ.
- Thời hạn trái phiếu: 250 trái phiếu có thời hạn 03 năm, 150 trái phiếu có thời hạn 04 năm.
- Thanh toán lãi trái phiếu: Thanh toán trái phiếu: trả cuối kỳ, 6 tháng/lần.
- Thanh toán gốc trái phiếu: Gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đáo hạn.
- Tài sản đảm bảo: quyền sử dụng đất thuộc dự án Diamond Riverside.
- Mục đích: Tài trợ vốn cho 3 dự án Diamond Riverside, Khu căn hộ cao tầng NBBB II, Khu phức hợp Bình Chánh.

- Lãi suất: 14,5%/năm cho 06 tháng đầu tiên kể từ ngày phát hành. Các tháng tiếp theo thả nổi với kỳ điều chỉnh lãi suất 06 tháng/lần tính bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB)- Chi nhánh Sài Gòn cộng với lãi biên 4,0%/năm.

25. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Từ 01/01/2010 Đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 Đến 30/06/2009
Tình hình biến động thuế thu nhập hoãn lại phải trả như sau:		
- Số dư đầu kỳ	15.757.274.862	-
- Trích lập trong kỳ	12.753.482.650	6.131.977.366
- Hoàn nhập trong kỳ	7.137.524.200	-
- Số dư cuối kỳ	<u>21.373.233.312</u>	<u>6.131.977.366</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

Số 01 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn Quý 2 Năm 2010 kết thúc tại ngày 30/06/2010

27. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2009	154.000.000.000	201.376.625.200	-	-	-	18.477.728.497	4.495.183.501	45.845.042.054	424.194.579.252
- Lợi nhuận năm trước								91.241.490.186	91.241.490.186
- Nhận góp vốn Liên doanh			150.000.000.000						150.000.000.000
- Mua lại Cổ phiếu quỹ				(26.833.865.517)					(26.833.865.517)
- Đánh giá lại tỷ giá					(135.303.102)				(135.303.102)
- Tăng khác (*)								56.714.322	56.714.322
- Phân phối lợi nhuận						45.000.000.000	4.500.000.000	(49.500.000.000)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi								(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
- Chia cổ tức								(21.560.000.000)	(21.560.000.000)
- Chi HDQT, thù lao BKS								(958.345.195)	(958.345.195)
Tại ngày 31/12/2009	154.000.000.000	201.376.625.200	150.000.000.000	(26.833.865.517)	(135.303.102)	63.477.728.497	8.995.183.501	56.124.901.367	607.005.269.946
Tại ngày 01/01/2010	154.000.000.000	201.376.625.200	150.000.000.000	(26.833.865.517)	(135.303.102)	63.477.728.497	8.995.183.501	56.124.901.367	607.005.269.946
- Lợi nhuận trong kỳ								101.973.408.926	101.973.408.926
- Nhận góp vốn Liên doanh			30.993.600.000						30.993.600.000
- Trả vốn góp liên doanh			(67.006.400.000)						(67.006.400.000)
- Phát hành cổ phiếu quỹ				19.942.846.080					19.942.846.080
- Thặng dư vốn do bán cổ phiếu quỹ		20.360.809.920							20.360.809.920
- Tăng chênh lệch tỷ giá trong kỳ					135.303.102				135.303.102
- Trích quỹ khen thưởng ở Công ty con								(298.846.189)	(298.846.189)
- Tăng khác (*)								30.964.620	30.964.620
- Chia cổ tức								(20.800.024.000)	(20.800.024.000)
- Chi HDQT, thù lao BKS								(900.000.000)	(900.000.000)
Tại ngày 30/06/2010	154.000.000.000	221.737.435.120	113.987.200.000	(6.891.019.437)	-	63.477.728.497	8.995.183.501	136.130.404.724	691.436.932.405

(*) Tăng lợi nhuận chưa phân phối của Công ty mẹ tương ứng phần giảm lợi ích cổ đông thiểu số do việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢYSố 01 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn Quý 2 Năm 2010 kết thúc tại ngày 30/06/2010

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền
- Vốn góp của Nhà nước	6,82%	10.500.000.000	6,82%	10.500.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	93,18%	143.500.000.000	93,18%	143.500.000.000
Cộng	100,00%	154.000.000.000	100,00%	154.000.000.000

c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	15.400.000	15.400.000
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.400.000	15.400.000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	15.400.000	15.400.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- số lượng cổ phiếu quỹ được mua lại	139.400	542.840
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	139.400	542.840
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.260.600	14.857.160
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	15.260.600	14.857.160
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	63.477.728.497	63.477.728.497
- Quỹ dự phòng tài chính	8.995.183.501	8.995.183.501
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.088.731.259	5.835.779.613

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢYSố 01 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn Quý 2 Năm 2010 kết thúc tại ngày 30/06/2010

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ
KINH DOANH HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

27. Doanh thu

	<u>Quý 2/2010</u>	<u>Quý 2/2009</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	164.727.277.034	145.261.990.365
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	20.250.146.363	-
- Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất	31.552.162.709	55.818.983.950
- Doanh thu hợp đồng xây dựng, sản xuất công	18.922.835.761	2.268.358.399
- Doanh thu kinh doanh căn hộ	94.002.132.201	87.174.648.016

Các khoản giảm trừ doanh thu

	882.887.979	-
- Hàng bán bị trả lại	882.887.979	-

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	163.844.389.055	145.261.990.365
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	20.250.146.363	-
- Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất	31.552.162.709	55.818.983.950
- Doanh thu hợp đồng xây dựng, sản xuất công	18.922.835.761	2.268.358.399
- Doanh thu kinh doanh căn hộ	93.119.244.222	87.174.648.016

28. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 2/2010</u>	<u>Quý 2/2009</u>
- Giá vốn bán hàng, cung cấp dịch vụ	11.590.452.585	-
- Giá vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất	15.207.598.443	72.354.957.854
- Giá vốn hợp đồng xây dựng, sản xuất công	19.266.786.895	40.962.920.297
- Doanh thu kinh doanh căn hộ	67.845.540.256	2.252.122.028
Cộng	113.910.378.179	115.570.000.179

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 2/2010</u>	<u>Quý 2/2009</u>
- Cổ tức được chia	679.637.011	-
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	408.701.051	774.219.574
- Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	1.292.549.837
- Lãi chậm thanh toán của khách hàng	676.999.916	-
- Thu hoạt động tài chính khác (*)	79.006.400.000	-
Cộng	80.771.737.978	2.066.769.411

(*) Đây là khoản thu từ Công ty Cổ Phần Hạ Tầng BĐS Sài Gòn do chuyển nhượng quyền góp vốn vào dự án Diamond Riverside.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢYSố 01 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn Quý 2 Năm 2010 kết thúc tại ngày 30/06/2010

30. Chi phí tài chính

	<u>Quý 2/2010</u>	<u>Quý 2/2009</u>
- Lãi tiền vay	2.179.425.211	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	80.000.000	(1.334.446.620)
- Chi phí tài chính khác (*)	7.477.484.944	37.379.831
Cộng	<u>9.736.910.155</u>	<u>(1.297.066.789)</u>

(*) Chi tiết chi phí tài chính khác

- Phần chi phí lãi vay đã vốn hóa vào dự án Diamond Riverside tương ứng với phần chuyển nhượng quyền góp vốn vào dự án Diamond Riverside cho Cty CP Hạ Tầng BĐS Sài Gòn		7.461.363.482
- Phí bán chứng khoán		16.121.462
Cộng		<u>7.477.484.944</u>

31. Thu nhập khác

	<u>Quý 2/2010</u>	<u>Quý 2/2009</u>
- Thu từ thanh lý tài sản cố định	363.636.364	-
- Chi phí sử dụng vốn khuôn công	111.775.888	-
- Thu phạt vi phạm hợp đồng	-	1.065.712.500
- Thu nhập khác	389.455.326	17.238.825
Cộng	<u>864.867.578</u>	<u>1.082.951.325</u>

32. Chi phí khác

	<u>Quý 2/2010</u>	<u>Quý 2/2009</u>
- Giá trị còn lại TSCĐ (xây mới trụ sở Công ty)	7.060.069.288	-
- Bồi thường và bị phạt hành chính	3.727.781	-
- Chi phí khác	211.365.163	39.700.467
Cộng	<u>7.275.162.232</u>	<u>39.700.467</u>

33. Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

	<u>Quý 2/2010</u>	<u>Quý 2/2009</u>
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành Công ty mẹ	21.825.325.017	626.146.055
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành Công ty con	3.657.169.839	-
Cộng	<u>25.482.494.856</u>	<u>626.146.055</u>

Đối với các dự án kinh doanh bất động sản thực hiện thu tiền theo tiến độ, Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bằng 2% trên tổng số tiền thực thu.

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Quý 2/2010</u>	<u>Quý 2/2009</u>
- Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	81.003.509.424	20.902.666.589
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	81.003.509.424	20.902.666.589
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.981.969	15.150.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.407	1.380

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

35. Trong năm, Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong kỳ Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Nội dung	Mối quan hệ	Kỳ này
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Năm Bảy Bảy Góp vốn vào Công ty + Công ty TNHH ĐT & XD Tam Phú	Công ty liên kết	1.225.000.000
+ Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Xây Dựng Ninh Thuận	Công ty liên kết	4.696.500.000
- Công ty TNHH TM-DV-XD-SX Hùng Thanh Góp vốn vào Công ty + Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Xây Dựng Ninh Thuận	Công ty liên kết	757.500.000
- Thù lao chi cho hội đồng quản trị và BKS	HĐQT, BKS	900.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

Số 01 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn Quý 2 Năm 2010 kết thúc tại ngày 30/06/2010

3. Báo cáo tài chính riêng sử dụng để hợp nhất

Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn Quý 2 Năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010 đã được sử dụng để hợp nhất bao gồm:

Công ty con

- Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Năm Bảy Bảy
- Báo cáo tài chính riêng của Công ty TNHH XD-TM-DV-SX Hùng Thanh
- Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp NBB
- Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Saigon Highland
- Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Khoáng Sản Quảng Ngãi (*)
- Báo cáo tài chính riêng của Công ty TNHH An Nhật Tân (*)
- Báo cáo tài chính riêng của Công ty TNHH Hương Trà (*)

Công ty liên kết

- Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Xây Dựng Ninh Thuận

(*) Công ty đã chính thức nắm quyền kiểm soát Công ty CP Đầu Tư Khoáng Sản Quảng Ngãi, Công ty TNHH An Nhật Tân, Công ty TNHH Hương Trà từ ngày đầu năm vì số liệu trong Quý 1 Năm 2010 của Công ty Cổ Phần Đầu tư Khoáng Sản Quảng Ngãi, Công ty TNHH An Nhật Tân, Công ty TNHH Hương Trà chưa có cho nên đã không được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong Quý 1 Năm 2010. Vì vậy toàn bộ kết quả hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2010 của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Khoáng Sản Quảng Ngãi, Công ty TNHH An Nhật Tân, Công ty TNHH Hương Trà được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong Quý 2 Năm 2010 kết thúc tại ngày 30/06/2010 của Công ty Cổ phần Đầu Tư Năm Bảy Bảy.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Tài Chính kiểm toán. Số liệu này được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

TP. HCM, ngày 15 tháng 08 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Minh Đức

Nguyễn Thị Anh Thư

Đoàn Tường Triệu